



DOI:10.22144/ctujos.2026.055

HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU LUẬT HỌC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mỹ Linh* và Huỳnh Thị Trúc Giang

Khoa Luật, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): mylinh@ctu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 10/06/2025

Sửa bài (Revised): 29/06/2025

Duyệt đăng (Accepted): 16/01/2026

Title: International cooperation in law education and research: Current challenges and solutions for Viet Nam

Author: Nguyen Thi My Linh* and Huynh Thi Truc Giang

Affiliation(s): Faculty of Law, Can Tho University, Viet Nam

TÓM TẮT

Hợp tác quốc tế là một hoạt động được thúc đẩy rộng rãi trong các trường đại học trên toàn cầu. Hoạt động này không chỉ dừng lại ở việc chia sẻ tài nguyên mà còn khuyến khích trao đổi ý tưởng, văn hóa và tầm nhìn để cùng nhau giải quyết những thách thức toàn cầu phức tạp. Trong lĩnh vực luật học, việc hợp tác quốc tế chủ yếu hướng đến lĩnh vực hội thảo quốc tế, dự án nghiên cứu chung, chương trình hợp tác đào tạo và các khóa trao đổi giảng viên, sinh viên. Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả tập trung phân tích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu luật học. Kết quả nghiên cứu giúp làm rõ lý luận, thực trạng hợp tác quốc tế tại Việt Nam thông qua việc tiến hành đánh giá các số liệu, khảo sát thực tiễn nhu cầu của giảng viên, sinh viên tại cơ sở đào tạo luật - nghiên cứu trường hợp tại Khoa Luật, Đại học Cần Thơ. Qua đó, các giải pháp đã được đề ra nhằm hướng đến môi trường hợp tác quốc tế hiệu quả nhất cho hoạt động nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực luật học tại Việt Nam trong tương lai.

Từ khóa: Cơ sở đào tạo luật, đào tạo luật, hợp tác quốc tế, nghiên cứu luật

ABSTRACT

International cooperation is an activity widely promoted in universities worldwide. This activity not only involves sharing resources but also encourages the exchange of ideas, cultures, and visions to jointly address complex global challenges. In the field of law, international cooperation primarily focuses on international conferences, joint research projects, training cooperation programs, and faculty and student exchange programs. In this article, the authors focus on analyzing international cooperation in the training and research of law. The article clarifies the theories and current state of international cooperation in Vietnam by evaluating data and surveying the actual needs of faculty and students at law training institutions - a case study at the Faculty of Law, Can Tho University. Through this, the article proposes solutions to create the most effective international cooperation environment for research and training activities in the field of law in Vietnam in the future.

Keywords: International cooperation, law training, law training institutions, law research

1. GIỚI THIỆU

Hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học nói chung và trong đào tạo luật học nói riêng đã được nhiều học giả nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo (Knight, 2004), đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật, nơi kiến thức và quy định mang tính toàn cầu ngày càng nhiều. Việc hợp tác giúp các trường đại học mở rộng mạng lưới nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và cải tiến chương trình học theo tiêu chuẩn quốc tế (Altbach & Knight, 2007). Một nghiên cứu của De Wit (2011) đã chỉ ra rằng quốc tế hóa giáo dục đại học không chỉ giúp cải thiện chất lượng giảng dạy mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sinh viên trên thị trường lao động quốc tế. Điều này đặc biệt quan trọng đối với ngành luật, nơi sự hiểu biết về hệ thống pháp luật quốc tế và kỹ năng tư duy toàn cầu là những yếu tố then chốt.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực luật học đã có những bước tiến đáng kể trong những năm gần đây. Một số trường đại học đã thiết lập các chương trình liên kết với các trường quốc tế, tổ chức các hội thảo chuyên đề và phát triển các chương trình đào tạo song ngữ để chuẩn bị cho sinh viên làm việc trong môi trường toàn cầu (Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; Trường Đại học Hà Nội, 2024). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức trong quá trình hợp tác, bao gồm sự khác biệt về hệ thống pháp luật, rào cản ngôn ngữ và khả năng tài chính của các cơ sở đào tạo (Duc & Phuong, 2021). Ngoài ra, cơ chế pháp lý để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học tại Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện, điều này dẫn đến những hạn chế trong việc triển khai các chương trình liên kết.

2. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học tại Việt Nam, từ đó những thách thức và cơ hội trong quá trình phát triển đã được xác định. Qua kết quả này, các giải pháp đã được đề xuất nhằm giúp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, thúc đẩy sự phát triển của ngành luật học trong nước theo hướng hiện đại và hội nhập. Nghiên cứu này khi được thực hiện đã tập trung tìm hiểu thực trạng hợp tác quốc tế đối với giảng viên, sinh viên tại cơ sở đào tạo luật - nghiên cứu trường hợp tại Khoa Luật, Đại học Cần Thơ. Phạm vi nghiên cứu bao gồm các trường đại

học có đào tạo ngành luật tại Việt Nam cùng với các đối tác quốc tế có chương trình hợp tác trong lĩnh vực này. Để đảm bảo tính khách quan và toàn diện, các phương pháp khảo sát và phỏng vấn đã được áp dụng nhằm thu thập ý kiến từ giảng viên, sinh viên và các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục luật, giúp có được cái nhìn thực tế và đa chiều.

3. TỔNG QUAN VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, được phê duyệt theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 đặt ra mục tiêu tổng quát: đến năm 2030, giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á và đến năm 2045 vươn tầm thế giới. Để hiện thực hóa mục tiêu này, chiến lược đề ra 10 nhóm giải pháp, trong đó “Tăng cường hội nhập quốc tế” được xác định là một trong những yếu tố then chốt. Trong bối cảnh đó, hợp tác quốc tế trong giáo dục và nghiên cứu khoa học không chỉ là một khía cạnh quan trọng của hội nhập quốc tế mà còn là phương tiện nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển tri thức. Do vậy, trước tiên, khái niệm về hợp tác quốc tế cũng như các hình thức của hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu cần được làm rõ.

3.1. Khái niệm hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu

Hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học đã có từ lâu và ngày càng phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa. Hợp tác quốc tế trong giáo dục được Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức đặt ra lần đầu tiên trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991. Đây là lần đầu tiên Đảng ta đề cập một cách có hệ thống về việc mở rộng hợp tác quốc tế trong giáo dục, vai trò của việc tiếp thu tri thức tiên tiến từ thế giới đã được nhấn mạnh để phục vụ sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Từ đó đến nay, quan điểm này được tiếp tục khẳng định và phát triển trong nhiều văn kiện quan trọng như Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Thể chế hóa chủ trương của Đảng về hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng như: Hiến pháp năm 2013 sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Điều 40, Điều 62), Luật Giáo dục năm 2025 (Điều 28, Điều 43), Nghị định 86/2018/NĐ-CP về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, Nghị định số 124/2024/NĐ-

CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2018/NĐ-CP. Căn cứ vào các văn bản này, có thể hiểu rằng: “*Hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học là hoạt động được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao tri thức, công nghệ và hội nhập quốc tế. Hoạt động này bao gồm liên kết đào tạo, trao đổi học thuật, hợp tác nghiên cứu, đầu tư giáo dục, tổ chức hội thảo khoa học và các hình thức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển giáo dục quốc gia, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia*”.

Tóm lại, hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu là xu hướng tất yếu nhằm thúc đẩy trao đổi tri thức, nâng cao chất lượng khoa học và gia tăng năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Dựa trên các phân tích trên, khái niệm hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và đào tạo luật học có thể được hiểu là hoạt động được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa các tổ chức, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, chuyên gia và học giả trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo luật, phát triển đội ngũ pháp lý có trình độ quốc tế, chuyên giao tri thức và kinh nghiệm pháp lý tiên tiến, đồng thời thúc đẩy quá trình hội nhập pháp luật quốc gia vào dòng chảy pháp lý toàn cầu.

Hoạt động này không chỉ là nhu cầu khách quan trong bối cảnh hiện nay mà còn là động lực chiến lược góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong việc giáo dục và phát triển nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập pháp lý toàn cầu.

3.2. Các hình thức hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số trong giáo dục theo tinh thần của Nghị quyết 71-NQ/TW, hợp tác quốc tế trở thành động lực quan trọng giúp các cơ sở giáo dục đại học nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, tiếp cận tri thức mới và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Nhận thức được điều này, Luật Giáo dục đại học năm 2025 đã có những quy định cụ thể về các hình thức hợp tác quốc tế của cơ sở giáo dục đại học tại Điều 43. Những phân tích sau đây sẽ làm rõ nội dung của các hình thức liên kết này.

3.2.1. Liên kết đào tạo

Liên kết đào tạo quốc tế, bao gồm các chương trình cấp bằng chung và bằng kép, đang trở thành một phần ngày càng phổ biến trong chiến lược toàn cầu của nhiều trường đại học và cao đẳng (Knight, 2014). Các chương trình cấp bằng chung, kép và được thực hiện liên tục ở cả cấp độ quốc tế đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay và có tiềm năng trở nên phổ biến cũng như có ảnh hưởng hơn trong những năm tới (Knight & Lee, 2023).

Theo Khoản 5 Điều 2 Nghị định 86/2018/NĐ-CP khái niệm liên kết đào tạo được quy định như sau: “*Liên kết đào tạo là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ mà không thành lập pháp nhân*.”

Căn cứ vào khái niệm liên kết đào tạo và tình hình triển khai trên thực tế cho đến thời điểm hiện nay, có thể thấy rằng việc liên kết đào tạo được thực hiện theo các phương thức như chương trình Thạc sĩ Luật Thương mại và Kinh tế Quốc tế giữa Đại học Luật TP.HCM và Đại học Tây Anh Quốc (UWE Bristol) tuyển sinh năm học 2021-2022 (Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2021).

3.2.2. Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

Việc thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam là một trong những phương thức quan trọng nhằm thúc đẩy hợp tác giáo dục quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trao đổi học thuật, nghiên cứu và tuyển sinh. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Luật Giáo dục đại học năm 2025 thì văn phòng đại diện đóng vai trò trung gian trong việc xúc tiến, hỗ trợ các chương trình và dự án hợp tác giáo dục giữa các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài với các trường đại học tại Việt Nam. Ngoài ra, văn phòng đại diện có thể tổ chức hội thảo, triển lãm, hội nghị, tư vấn và trao đổi thông tin nhằm giới thiệu về các chương trình đào tạo quốc tế, điều kiện nhập học, cơ hội học bổng và nghiên cứu khoa học.

3.2.3. Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học

Việc hợp tác nghiên cứu giữa trường đại học với doanh nghiệp và chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới, gia tăng chuyên giao tri thức và nâng cao tác động kinh tế của nghiên cứu hàn lâm (Perkmann et al., 2013). Pháp luật Việt

Nam khuyến khích các trường đại học tiếp nhận, chuyên giao công nghệ tiên tiến để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn theo Điều 69, Điều 70 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025. Nhà nước hỗ trợ tài chính, ưu đãi chính sách và thúc đẩy xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế. Việc thu hút chuyên gia quốc tế giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, thúc đẩy hội nhập và phát triển nền kinh tế tri thức.

3.2.4. *Tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị*

Các cơ sở giáo dục đại học có thể hợp tác với tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước để nhận hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, chuyên môn nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng, phòng thí nghiệm, thư viện, trung tâm nghiên cứu và các trang thiết bị hiện đại. Bên cạnh đó, sự tham gia của các đối tác tư nhân và tổ chức quốc tế trong việc tài trợ, tư vấn phát triển cơ sở vật chất giúp các trường đại học tăng cường khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng giáo dục đại học có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các trường đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa (Altbach & Salmi, 2011).

Bên cạnh đó, Điều 14 của Luật Đầu tư năm 2025 xếp giáo dục đại học vào nhóm ngành, nghề được ưu đãi đầu tư, đồng nghĩa với việc các dự án tài trợ, đầu tư vào hạ tầng giáo dục, phòng thí nghiệm, thư viện và trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu có thể hưởng chính sách hỗ trợ từ Nhà nước, bao gồm miễn, giảm thuế hoặc ưu đãi vay vốn.

3.2.5. *Bồi dưỡng, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và người học*

Các cơ sở giáo dục đại học ngày càng chú trọng đến việc hợp tác với các trường đại học, tổ chức nghiên cứu quốc tế để triển khai các chương trình trao đổi, bồi dưỡng nhân lực. Những chương trình này không chỉ giúp phát triển năng lực giảng dạy, nghiên cứu mà còn thúc đẩy sự dịch chuyển lao động chất lượng cao, góp phần vào quá trình hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong nước (Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; Trường Đại học Hà Nội, 2024).

3.2.6. *Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ*

Hình thức liên kết này giúp các cơ sở giáo dục mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, chia sẻ tài nguyên học thuật và thúc đẩy nghiên cứu liên kết giữa các tổ chức trong nước và quốc tế. Trong bối cảnh số hóa và toàn cầu hóa, các thư viện đại học và cơ sở nghiên cứu trên thế giới đang ngày càng hợp tác chặt chẽ hơn để trao đổi dữ liệu, tài liệu và kết quả nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả học thuật và đổi mới sáng tạo (Borgman, 2010). Việc chia sẻ nguồn lực thư viện giúp giảng viên, sinh viên và nhà nghiên cứu có cơ hội tiếp cận với kho tài liệu phong phú, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hơn nữa, việc liên kết giữa các thư viện học thuật không chỉ giúp mở rộng kho tri thức mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy học thuật mở (open access), tạo điều kiện để tri thức được tiếp cận một cách công bằng hơn (Harley et al., 2010).

Xu hướng liên kết thư viện và trao đổi thông tin đang được đẩy mạnh thông qua các dự án hợp tác giữa các trường đại học trong và ngoài nước (Đại học Kinh tế Quốc dân, n.d; Thư viện Quốc gia Việt Nam, n.d; Giải pháp thư viện, n.d). Các mô hình thư viện hợp tác giúp các trường đại học tối ưu hóa chi phí vận hành và mở rộng khả năng tiếp cận tài nguyên học thuật, đặc biệt trong bối cảnh các nguồn tài nguyên số ngày càng phát triển (Smith, 2014). Các hoạt động này bao gồm xây dựng hệ thống thư viện số liên kết, chia sẻ tài liệu giảng dạy, hợp tác trong xuất bản nghiên cứu và tổ chức hội thảo khoa học.

3.2.7. *Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục đại học, việc tham gia vào các tổ chức giáo dục và khoa học quốc tế đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của các trường đại học, giúp họ nâng cao uy tín học thuật và khả năng hội nhập (Marginson & Van der Wende, 2007). Đặc biệt, các mạng lưới như Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network - AUN) hay Hiệp hội Đại học Quốc tế (International Association of Universities - IAU) đã tạo ra những cơ hội hợp tác đáng kể trong đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Nhiều cơ sở giáo dục đại học đã tích cực tham gia các tổ chức khu vực và quốc tế như Mạng lưới Đảm bảo Chất lượng Giáo dục Đại học ASEAN (AQAN), Hiệp hội các trường Đại học và Cao đẳng ASEAN (AACCCUP), hay Mạng lưới Giải pháp Phát triển Bền vững (Sustainable Development Solutions Network – SDSN). Những hoạt động này không chỉ giúp các trường đại học trong nước tiếp cận với hệ thống kiểm định chất lượng quốc tế mà còn mở ra nhiều cơ hội hợp tác nghiên cứu, trao đổi giảng viên, sinh viên và phát triển chương trình đào tạo phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại.

3.2.8. Mở văn phòng đại diện cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam ở nước ngoài

Việc mở văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam ở nước ngoài giúp mở rộng phạm vi hoạt động giáo dục, thúc đẩy hợp tác quốc tế và nâng cao uy tín của các trường đại học Việt Nam. Tại Việt Nam, một số trường đại học lớn đã triển khai kế hoạch thành lập văn phòng đại diện nhằm tăng cường sự hiện diện trên thị trường giáo dục quốc tế (Hanoi Foreign Trade University, 2017). Hoạt động này không chỉ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của các trường đại học Việt Nam mà còn góp phần thúc đẩy giao lưu tri thức, hội nhập giáo dục khu vực và toàn cầu. Như vậy, việc thành lập văn phòng đại diện của các trường đại học của Việt Nam tại nước ngoài là một bước đi cần thiết nhằm đẩy mạnh hội nhập giáo dục quốc tế.

Tóm lại, các hình thức hợp tác quốc tế được quy định tại Điều 43 Luật Giáo dục Đại học năm 2025 đã thể hiện sự hội nhập của Việt Nam với các xu hướng giáo dục toàn cầu.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Việc hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học đã trở thành một yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật tại Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, việc tham gia vào các chương trình đào tạo quốc tế, trao đổi sinh viên và các dự án nghiên cứu quốc tế không chỉ giúp các cơ sở đào tạo luật học ở Việt Nam cải thiện chất lượng giảng dạy mà còn nâng cao năng lực của giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, thực trạng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này tại Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức. Mặc dù đã có những bước tiến đáng kể, các cơ sở đào tạo luật trong nước vẫn cần nỗ lực phát triển hơn nữa để tận dụng hết tiềm năng của hợp tác quốc tế.

Để đánh giá thực trạng thuận lợi và khó khăn trong hợp tác quốc tế một cách chi tiết và cụ thể hơn, Khoa Luật, Đại học Cần Thơ (Mạng lưới cơ sở đào

tao luật tại Việt Nam, 2020) được chọn làm đối tượng khảo sát. Ngoài ra, các số liệu cũng được thu thập ở một số cơ sở đào tạo điển hình tại Việt Nam.

4.1. Tình hình thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học tại Việt Nam

Các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam đã và đang triển khai một số chương trình hợp tác quốc tế trong đào tạo, bao gồm các chương trình liên kết đào tạo (LLM, chương trình trao đổi sinh viên), chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và các khóa học ngắn hạn hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, quy mô của các chương trình này còn khá khiêm tốn so với tiềm năng và nhu cầu của hệ thống giáo dục pháp lý trong nước. Theo thống kê, hiện chỉ một số ít trường đại học lớn như Đại học Luật Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố HCM (Cục Đào tạo với nước ngoài, 2017), Đại học Quốc gia Hà Nội (Trường Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023) đã thiết lập các chương trình hợp tác với các trường đại học quốc tế, chủ yếu là trong các chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Các chương trình đào tạo này chủ yếu liên kết với các đối tác quốc tế tại các quốc gia phát triển như Anh, Mỹ, Úc, Nhật Bản và Pháp. Tuy nhiên, các chương trình này vẫn còn giới hạn về số lượng và chủ yếu tập trung ở các trường đại học lớn tại các thành phố lớn. Điều này dẫn đến sự thiếu cân đối trong việc mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế cho sinh viên và giảng viên ở các trường đại học khác trong các khu vực còn lại của Việt Nam. Một ví dụ điển hình về chương trình hợp tác đào tạo là chương trình thạc sĩ Luật (LLM) tại Đại học Luật Hà Nội, nơi trường hợp tác với các trường đại học quốc tế. Tuy nhiên, số lượng sinh viên tham gia các chương trình này vẫn còn khá ít - 4 sinh viên (Bộ Tư pháp, 2023). Điều này cho thấy các chương trình hợp tác quốc tế tại Việt Nam, mặc dù có chất lượng cao, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu và tiềm năng phát triển của ngành giáo dục pháp luật tại Việt Nam.

Ngoài việc triển khai các chương trình liên kết đào tạo, các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam cũng tham gia vào một số dự án nghiên cứu chung với các tổ chức quốc tế và các trường đại học nước ngoài (Trang, 2018). Các dự án nghiên cứu này khi được thực hiện chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như luật thương mại quốc tế, luật sở hữu trí tuệ, pháp luật môi trường quốc tế và nhân quyền. Những lĩnh vực này ngày càng trở nên quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế, khi Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại tự do và các tổ chức quốc tế như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Hiệp hội

các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) (Le & Hoang, 2021).

Tuy nhiên, các dự án nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam chủ yếu có quy mô nhỏ và thiếu tính bền vững. Một phần lớn các dự án này vẫn còn gặp khó khăn về tài trợ, chưa được triển khai ở quy mô lớn và không đủ mạnh để tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với hệ thống pháp lý và nghiên cứu pháp luật tại Việt Nam. Thực tế, những yếu tố như sự khác biệt trong hệ thống pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác, cũng như sự thiếu hụt các nguồn lực tài chính và nhân lực có chuyên môn cao để tham gia vào các dự án nghiên cứu quốc tế, đã tạo ra rào cản lớn cho sự phát triển của các dự án hợp tác nghiên

cứu quốc tế (Duc & Phuong, 2021). Ngoài ra, việc tổng hợp số liệu và báo cáo về tình hình hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu của các cơ sở đào tạo luật chưa được quan tâm đúng mức và đồng bộ. Đa phần các bài viết về hợp tác quốc tế chủ yếu nằm ở dạng tin tức mà không có số liệu thống kê hàng năm về các hoạt động hợp tác quốc tế (Bảng 1). Điều này dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện đối sánh hoạt động này giữa các trường để có những chính sách phát triển ngắn hạn và dài hạn được toàn diện và hiệu quả. Bảng thống kê được tổng hợp từ báo cáo công bố trên website chính thức của các cơ sở đào tạo luật nên chưa đạt sự tương xứng giữa các mốc thời gian về hoạt động hợp tác quốc tế, vì vậy việc đối sánh chỉ mang tính chất tương đối.

Bảng 1. Sơ lược thống kê hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu tại một số cơ sở đào tạo luật

Cơ sở đào tạo	MOU ký kết	Đối tác nước ngoài	Hội thảo quốc tế	Chương trình đào tạo liên kết
Trường Đại học Luật Hà Nội	N/A	40 (tính đến năm 2022) (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2022).	N/A	1 chương trình hợp tác đào tạo cử nhân (niên khoá 2021 - 2024) (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2020)
Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	N/A	N/A	N/A	2 chương trình hợp tác đào tạo cử nhân, thạc sĩ (tuyển sinh trong năm 2025) (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2025).
Trường Đại học Luật, Đại học Huế	12 (từ năm 2017 đến năm 2023) (Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, 2022).	N/A	3 (trong năm 2024)	N/A
Trường Đại học Luật, ĐHQG Hà Nội	N/A	32 (tính từ 2001 đến năm 2021) (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2021).	N/A	1 chương trình hợp tác đào tạo thạc sĩ (tuyển sinh năm học 2023 - 2024) (Trường Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023).
Khoa Luật, ĐH Cần Thơ	Chưa ký kết từ năm 2022 đến năm 2024, chủ yếu MOU được ký kết từ Đại học Cần Thơ và Khoa Luật hỗ trợ thực hiện	6 (tính từ năm 2022 đến năm 2024)	Chưa ký kết MOU từ năm 2022 đến năm 2024	Chưa triển khai tính từ năm 2022 đến năm 2024

4.2. Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp tại Khoa Luật - Đại học Cần Thơ

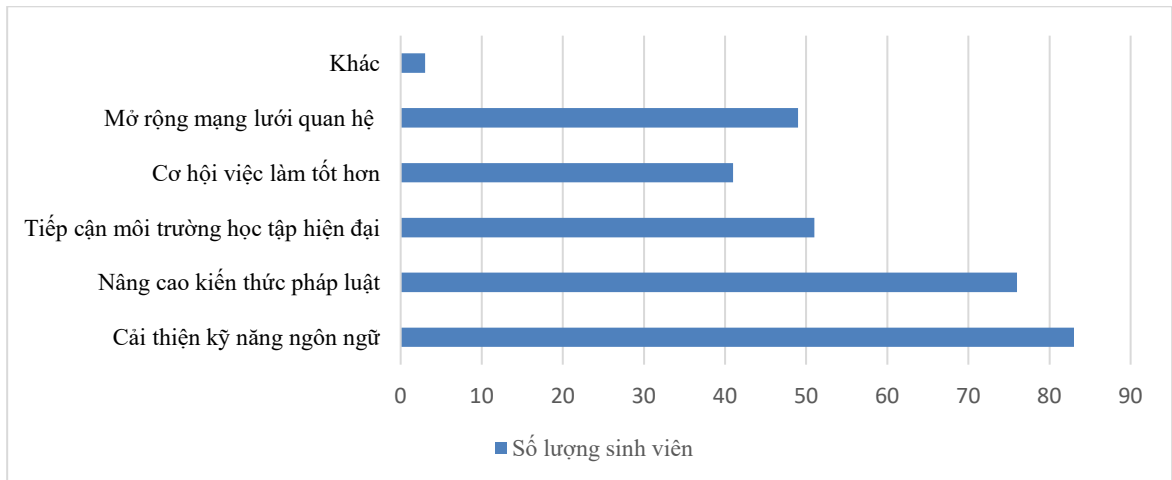
4.2.1. Đánh giá thuận lợi trong hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam

Việt Nam đã cam kết hội nhập quốc tế sâu rộng, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tạo ra nhiều cơ hội hợp tác quốc tế cho các cơ sở đào tạo luật học trong nước. Một trong những yếu tố thuận lợi lớn đối với việc phát triển hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học là các chính sách hội nhập quốc tế mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam.

Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm các hiệp định hợp tác giáo dục song phương và đa phương. Những hiệp định này tạo cơ hội cho các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam có thể tham gia vào các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu. Chính sách này không chỉ giúp các cơ sở đào tạo tại Việt Nam

nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn giúp sinh viên tiếp cận với nền giáo dục pháp luật quốc tế hiện đại. Đặc biệt, Chính phủ Việt Nam đã cam kết thúc đẩy sự phát triển của các chương trình hợp tác giáo dục với các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, Ngân hàng Thế giới, và các tổ chức khu vực như ASEAN. Sự cam kết này tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở đào tạo tại Việt Nam có thể xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác quốc tế hiệu quả.

Việt Nam hiện có nhiều cơ hội hợp tác với các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khu vực như ASEAN (Pháp Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2024). Những tổ chức này có nguồn lực tài chính mạnh mẽ và sẵn sàng hỗ trợ các dự án hợp tác giáo dục, trong đó có đào tạo và nghiên cứu pháp luật. Các tổ chức quốc tế này thường xuyên tổ chức các hội thảo quốc tế, các khóa đào tạo ngắn hạn và các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên, tạo cơ hội cho các cơ sở đào tạo tại Việt Nam có thể tham gia vào các hoạt động hợp tác này (Trang, 2018).



Hình 1. Các thuận lợi chính trong hợp tác quốc tế theo ý kiến sinh viên Khoa Luật - Đại học Cần Thơ

Nhóm tiến hành khảo sát tại Khoa Luật, Đại học Cần Thơ nhằm thu thập thông tin và đánh giá thuận lợi và khó khăn đối với hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu. Mục tiêu của khảo sát là xác định các chương trình hợp tác quốc tế hiện tại, đánh giá chất lượng các chương trình hợp tác này và phân tích những thuận lợi, khó khăn mà sinh viên, giảng viên và nhân viên gặp phải trong quá trình tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế. Kết quả khảo sát giúp cung cấp thông tin quan trọng giúp nhà trường cải thiện và phát triển các chương trình hợp tác quốc tế, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu trong tương lai. Đối tượng khảo sát gồm 100 sinh viên chính quy, 30 giảng viên và nhân

viên tại Khoa Luật, Đại học Cần Thơ. Việc khảo sát với nhóm đối tượng sinh viên bao gồm 100 sinh viên chính quy được chọn ngẫu nhiên từ tổng số gần 1200 sinh viên trong học kỳ 1, năm học 2024 - 2025. Việc chọn mẫu ngẫu nhiên giúp đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ sinh viên của Khoa Luật, đồng thời tăng tính khách quan của kết quả khảo sát. Phương pháp này cũng giúp đảm bảo rằng các sinh viên thuộc các năm học khác nhau và các chương trình đào tạo khác nhau đều có cơ hội tham gia khảo sát. Đối với nhóm giảng viên và nhân viên, khảo sát đã được phát cho 30 người trong tổng số 65 người, với tỷ lệ phản hồi đạt khoảng 46%. Mẫu khảo sát này giúp thu thập cái nhìn từ giảng viên và nhân viên, những người tham gia và chịu trách nhiệm triển khai các chương trình

hợp tác quốc tế tại Khoa. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên Khoa Luật - Đại học Cần Thơ có được thuận lợi khi tập trung vào việc nâng cao, cải thiện kỹ năng ngôn ngữ, nâng cao kiến thức pháp luật quốc tế, tiếp cận môi trường học tập hiện đại và cơ hội việc làm tốt hơn.

Những hạn chế đối với hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học tại Việt Nam

Để đánh giá các khó khăn, nhóm nghiên cứu khảo sát cả sinh viên và giảng viên nhằm nhận diện đa chiều các thách thức trong quá trình triển khai hợp tác quốc tế.

Mặc dù có nhiều thuận lợi, việc hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học tại Việt Nam vẫn gặp phải một số khó khăn lớn, đặc biệt là thiếu nguồn lực tài chính và đội ngũ giảng viên có trình độ, rào cản ngôn ngữ và sự khác biệt trong hệ thống pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác. Nhóm nghiên cứu tiếp tục sử dụng số liệu khảo sát tại Khoa Luật - Đại học Cần Thơ để đánh giá những khó khăn hiện nay trong đào tạo và nghiên cứu đối với hợp tác quốc tế. Kết quả khảo sát cho thấy khó khăn mà Khoa Luật - Đại học Cần Thơ đang đối mặt có nhiều nét tương đồng mà phần lớn các cơ sở đào tạo luật gặp phải trong đào tạo và nghiên cứu trong hợp tác quốc tế.

Thiếu nguồn lực tài chính và đội ngũ giảng viên đủ trình độ

Một trong những thách thức lớn là thiếu nguồn lực tài chính cho các chương trình hợp tác quốc tế. Theo kết quả khảo sát, 71,4% giảng viên cho rằng ngân sách hạn chế là yếu tố chính ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế. Điều này dẫn đến việc hợp tác quốc tế không thể mở rộng và thiếu tính bền vững. Ngoài ra, việc thiếu giảng viên có trình độ cao và chuyên môn phù hợp cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hợp tác quốc tế.

Các trường đại học Việt Nam, đặc biệt là các trường ngoài các thành phố lớn, không đủ nguồn lực để triển khai các chương trình hợp tác quốc tế quy mô lớn. Điều này khiến cho việc tham gia các chương trình hợp tác quốc tế bị hạn chế, đặc biệt là đối với sinh viên và giảng viên không có đủ điều kiện tài chính để tham gia các chương trình này. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên của các trường đại học ở Việt Nam, dù có chuyên môn vững, lại thiếu sự đào tạo chuyên sâu về các hệ thống pháp luật quốc tế, do đó không đủ năng lực để tham gia vào các chương trình nghiên cứu và đào tạo quốc tế.

Rào cản ngôn ngữ và sự khác biệt trong hệ thống pháp luật

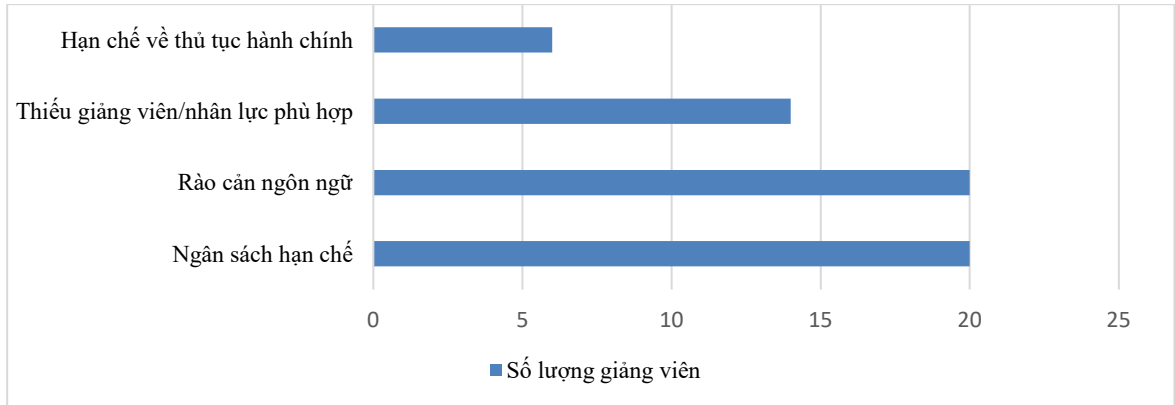
Một yếu tố quan trọng cản trở sự phát triển của hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu là rào cản ngôn ngữ. Theo khảo sát, 76/100 sinh viên cho rằng khó khăn về ngôn ngữ là một yếu tố cản trở trong việc tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế. Thêm vào đó, chi phí cao của chương trình đào tạo, thiếu thông tin về chương trình, rào cản về thủ tục hành chính cũng là một trong số các khó khăn trong việc triển khai các chương trình đào tạo và nghiên cứu chung.

Rào cản ngôn ngữ và sự khác biệt trong hệ thống pháp luật là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hợp tác quốc tế. Mặc dù nhiều giảng viên và sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh, nhưng ngôn ngữ chuyên ngành pháp lý lại là một vấn đề đáng chú ý khi nhiều tài liệu học tập và nghiên cứu quốc tế được viết bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh. Ngoài ra, sự khác biệt trong hệ thống pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác, đặc biệt là giữa hệ thống pháp luật phương Tây và Việt Nam, tạo ra sự khó khăn trong việc triển khai các dự án nghiên cứu chung hoặc các chương trình đào tạo liên kết.

Quy mô hợp tác còn nhỏ và thiếu tính bền vững

Mặc dù hợp tác quốc tế tại các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam đã có những bước tiến nhất định, nhưng quy mô hợp tác vẫn còn rất nhỏ và thiếu tính bền vững. Việc hợp tác quốc tế hiện tại chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực hạn chế và thiếu hoạt động hợp tác dài hạn, dẫn đến việc thiếu tính liên kết và phát triển lâu dài trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu pháp luật. Những yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng mở rộng và duy trì các hợp tác quốc tế trong tương lai.

Tóm lại, việc hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học tại Việt Nam đang có những bước tiến đáng kể, nhưng vẫn còn nhiều thách thức và khó khăn cần được khắc phục. Việc thiếu nguồn lực tài chính, đội ngũ giảng viên đủ trình độ, sự khác biệt trong hệ thống pháp luật và rào cản ngôn ngữ vẫn là những yếu tố cản trở sự phát triển bền vững của hợp tác quốc tế trong giáo dục luật. Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, các nguồn lực tài chính được đầu tư mạnh mẽ, đội ngũ giảng viên cần được phát triển và các chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu luật học tại Việt Nam cũng cần được mở rộng.



Hình 2. Các khó khăn chính ảnh hưởng đến hiệu quả hợp tác đào tạo quốc tế theo ý kiến giảng viên Khoa Luật – Đại học Cần Thơ

5. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Mặc dù hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học tại Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, nhưng vẫn tồn tại nhiều rào cản cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả và tính bền vững của quá trình này. Để giải quyết những hạn chế nêu trên, cần có một chiến lược toàn diện với các giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học. Các giải pháp này khi được thực hiện cần tập trung vào việc tăng cường đầu tư tài chính, nâng cao năng lực giảng viên, cải thiện chính sách pháp lý, mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế và tối ưu hóa mô hình hợp tác nhằm đảm bảo tính hiệu quả và bền vững.

5.1. Tăng cường đầu tư tài chính và tìm kiếm nguồn tài trợ cho hợp tác quốc tế trong đào tạo

Việc tăng cường đầu tư tài chính và tìm kiếm nguồn tài trợ cho hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật tại Việt Nam. Việc đầu tư tài chính không chỉ giúp mở rộng quy mô hợp tác mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các nguồn tri thức và công nghệ tiên tiến. Để triển khai hiệu quả giải pháp này, cần tập trung vào các nội dung sau:

Một là xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước. Nhà nước cần xác định hợp tác quốc tế trong giáo dục là một ưu tiên chiến lược và dành ngân sách phù hợp để hỗ trợ các chương trình hợp tác. Việc này bao gồm cấp học bổng cho giảng viên và sinh viên tham gia các khóa đào tạo quốc tế, hỗ trợ kinh phí cho các dự án nghiên cứu chung và tổ chức hội thảo quốc tế. Bài học kinh nghiệm có thể đến từ Trung Quốc, nơi mà Chính phủ đã thực hiện chiến lược tương tự: sau Cách mạng Văn hóa, họ gửi

hàng nghìn sinh viên và nghiên cứu sinh ra nước ngoài học tập tại các quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Đức và Australia (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, n.d.).

Hai là tìm kiếm và huy động nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và đối tác nước ngoài. Các cơ sở đào tạo cần chủ động tìm kiếm và thiết lập quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, trường đại học và viện nghiên cứu uy tín trên thế giới để thu hút nguồn tài trợ cho các chương trình hợp tác. Việc ký kết các bản ghi nhớ hợp tác (MoU) với các đối tác nước ngoài sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động chung. Chẳng hạn, Trường Luật Quốc tế Sorbonne-Assas (Singapore) đã được thành lập như một phần của Đại học Paris II Panthéon-Assas, giúp cung cấp chương trình đào tạo luật quốc tế chất lượng cao cho sinh viên trong khu vực.

Đối với Khoa Luật, Đại học Cần Thơ, trong điều kiện còn hạn chế về nguồn lực tài chính, nên chủ động thiết lập quan hệ với các tổ chức quốc tế, đại sứ quán, trường đại học nước ngoài để tìm kiếm tài trợ, học bổng và hỗ trợ kỹ thuật thông qua các chương trình hợp tác cụ thể, ví dụ như Tổ chức JICA. Trên cơ sở triển khai các hoạt động thực địa tại đồng bằng sông Cửu Long, Khoa Luật sẽ cung cấp dữ liệu thực tiễn, nghiên cứu hiện trường và góc nhìn pháp lý bản địa cho tổ chức này trong mối quan hệ hợp tác. Mặt khác, Khoa Luật có thể xây dựng quỹ hỗ trợ hợp tác quốc tế từ nguồn ngân sách xã hội hóa cũng như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong tổ chức hoạt động hợp tác trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí mà vẫn duy trì kết nối học thuật toàn cầu. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, việc ký kết các MOU còn hạn chế tại Khoa Luật, Đại học Cần Thơ. Vì vậy, Khoa Luật cần có kế hoạch khai thác hiệu quả các MOU ký kết ở cấp Trường để tăng

cường hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo nghiên cứu luật học.

5.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong nghiên cứu và đào tạo

Để nâng cao chất lượng của việc hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và đào tạo luật, việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực pháp luật là một yêu cầu thiết yếu. Hoạt động này có thể được thực hiện thông qua các chương trình trao đổi, nghiên cứu và bồi dưỡng tại các trường đại học, tổ chức luật quốc tế. Các mô hình như JICA Training Program (Nhật Bản), hợp tác với Đại học Melbourne, Sydney (Úc) (Melbourne Law School, n.d.) hay các trường danh tiếng như Harvard Law School, NUS, Kyoto University có thể được áp dụng để nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy cho giảng viên Việt Nam (Japan International Cooperation Agency, n.d.).

Bên cạnh đó, ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh pháp lý, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu luật học trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc tăng cường đào tạo ngoại ngữ không chỉ giúp giảng viên và sinh viên tiếp cận với các tài liệu, án lệ, điều ước quốc tế mà còn tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các hội thảo, nghiên cứu và hợp tác với các tổ chức nước ngoài. Các mô hình từ Đại học Quốc gia Seoul (SNU, Hàn Quốc) (Seoul National University, n.d.) hay The Hague Academy of International Law (The Hague Academy of International Law, n.d.) có thể giúp giảng viên, sinh viên trau dồi kỹ năng thực tiễn và tham gia các diễn đàn pháp lý toàn cầu.

Đối với Khoa Luật, Đại học Cần Thơ để có thể nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên, bên cạnh việc cử giảng viên tham gia các chương trình hợp tác quốc tế và nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giảng viên, Khoa Luật cần tạo điều kiện về thời gian và tăng cường động lực cho giảng viên. Chẳng hạn, thời gian giảng dạy cần được phân bổ hợp lý, giảm tải công việc hành chính cho giảng viên, đồng thời cũng nên có cơ chế khuyến khích rõ ràng và kịp thời cho các giảng viên công bố quốc tế hoặc làm câu nói cho các hoạt động hợp tác quốc tế giữa Khoa Luật với các trường đại học nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.

5.3. Hợp tác với các trường luật quốc tế để công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong đào tạo

Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ với các trường đại học luật uy tín trên thế giới sẽ giúp chương trình đào tạo của Việt Nam tiệm cận với các

tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời mở ra cơ hội cho sinh viên tham gia các khóa học và thực tập tại nước ngoài. Đại học Sydney (Úc) đã ký kết các thỏa thuận hợp tác với các trường luật tại Mỹ, Anh và Singapore để công nhận tín chỉ và cho phép sinh viên hoàn thành một phần chương trình học tại các trường đối tác (The University of Sydney, n.d.). Trường Luật Đại học Quốc gia Singapore (NUS) có chương trình trao đổi sinh viên với hơn 50 trường luật quốc tế, trong đó sinh viên có thể học một hoặc hai học kỳ tại các trường đối tác và tín chỉ được công nhận khi trở về trường chính (National University of Singapore, n.d.).

5.4. Mở rộng quy mô và nâng cao tính bền vững của các chương trình hợp tác quốc tế trong đào tạo

Để tối ưu hóa lợi ích từ hợp tác quốc tế, cần có chiến lược mở rộng quy mô hợp tác và đảm bảo tính bền vững của các chương trình đào tạo đã triển khai bằng cách xây dựng cơ chế hợp tác chiến lược dài hạn với các trường đại học và tổ chức luật quốc tế thay vì chỉ thực hiện các chương trình hợp tác ngắn hạn hoặc mang tính thử nghiệm. Đại học Harvard của Mỹ đã hợp tác với nhiều trường luật hàng đầu trên thế giới thông qua chương trình Harvard Law School International Legal Studies, giúp sinh viên và giảng viên có cơ hội tham gia các dự án nghiên cứu pháp lý quốc tế, thực tập tại các tổ chức luật toàn cầu và tiếp cận với các chuyên gia hàng đầu (Harvard Law School, n.d.). Đại học Oxford (Anh) đã thiết lập chương trình hợp tác chiến lược với Đại học Paris-Panthéon-Assas của Pháp, cho phép sinh viên và giảng viên tham gia trao đổi học thuật trong lĩnh vực pháp luật so sánh và luật thương mại quốc tế. Chương trình này đã giúp phát triển mối quan hệ bền vững giữa hai cơ sở đào tạo luật hàng đầu (University of Oxford Faculty of Law, n.d.).

Để mở rộng quy mô và nâng cao tính bền vững trong hợp tác quốc tế, Khoa Luật, Đại học Cần Thơ nên xây dựng các mối quan hệ đối tác chiến lược dài hạn với các trường luật có thể mạnh tương đồng, chẳng hạn như Trường Luật thuộc Đại học Chiang Mai (Thái Lan), ưu tiên các chương trình đồng xây dựng học phần, trao đổi giảng viên - sinh viên và nghiên cứu chung. Đồng thời, Khoa Luật cũng cần tích cực tham gia các mạng lưới luật học quốc tế hoặc các chương trình khu vực do UNDP tài trợ bằng cách cử đầu mối phụ trách theo dõi thông tin và đăng ký tham gia thành viên, gửi bài nghiên cứu, cử giảng viên dự hội thảo. Đồng thời, Khoa Luật nên tận dụng các kết nối này để đề xuất dự án hợp tác, đồng tổ chức hội thảo chuyên đề để từng bước xây

dựng quan hệ học thuật bền vững, góp phần nâng cao vị thế và chất lượng hội nhập quốc tế.

5.5. Tổ chức các diễn đàn học thuật quốc tế theo chuyên đề để giao lưu tư duy và phương pháp

Việc tổ chức định kỳ các hội thảo, tọa đàm quốc tế chuyên sâu theo từng chủ đề pháp lý cụ thể sẽ tạo điều kiện cho giảng viên, nghiên cứu viên Việt Nam tiếp cận trực tiếp với các trường phái tư duy pháp lý và phương pháp nghiên cứu quốc tế đa dạng. Đây là cơ hội để thảo luận, phản biện học thuật, từ đó hình thành tư duy nghiên cứu pháp lý hiện đại, vượt khỏi lối tiếp cận đơn ngành, tĩnh tại. Các diễn đàn như *ASEAN Law Association* hay *Asian Law and Society Association* là ví dụ tiêu biểu, nơi các nhà nghiên cứu trẻ có thể học hỏi từ cách đặt vấn đề đến cách thiết kế nghiên cứu một cách hệ thống, khoa học. Việc này có thể được thực hiện một cách chủ động bởi sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo luật và các đối tác quốc tế với nội dung gắn liền với các lĩnh vực pháp luật toàn cầu như luật môi trường, luật thương mại, luật quyền con người, luật công nghệ... mỗi diễn giả là chuyên gia quốc tế đến chia sẻ về phương pháp nghiên cứu hiện đại, từ nghiên cứu định tính, định lượng đến phân tích chính sách pháp luật. Các mô hình tọa đàm mở (open seminar) cần được ưu tiên, trong đó giảng viên và nghiên cứu viên có thể thảo luận, trao đổi trực tiếp, qua đó học hỏi và làm quen với lối tư duy pháp lý đa chiều cũng là một cách thức mà các cơ sở đào tạo luật có thể nghiên cứu thực hiện.

Đối với Khoa Luật –Đại học Cần Thơ, để triển khai hiệu quả hợp tác công nhận và chuyển đổi tín chỉ với các trường luật quốc tế, Khoa nên phối hợp với các trường đối tác có cùng trình độ và định hướng đào tạo để xây dựng các mô-đun học phần tương thích, trong đó ưu tiên các chương trình có hỗ

trợ học bổng hoặc miễn học phí nhằm giảm gánh nặng tài chính cho sinh viên. Bên cạnh đó, Khoa cần thiết lập một đầu mối hỗ trợ hành chính chuyên trách nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, hỗ trợ sinh viên hoàn thiện thủ tục hồ sơ và kết nối trực tiếp với đơn vị tiếp nhận. Việc từng bước tháo gỡ các rào cản thực tiễn sẽ giúp Khoa Luật không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo cơ hội cho sinh viên hội nhập học thuật quốc tế một cách thiết thực và hiệu quả.

6. KẾT LUẬN

Mặc dù đã có những bước tiến đáng kể trong việc thiết lập các chương trình hợp tác quốc tế, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức như hạn chế về nguồn lực tài chính, đội ngũ giảng viên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hội nhập, rào cản ngôn ngữ, cũng như sự khác biệt trong hệ thống pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và tính bền vững của các chương trình hợp tác hiện tại.

Trước thực trạng đó, một số giải pháp thiết thực đã được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu luật học tại Việt Nam nói chung và cho trường hợp cụ thể tại Khoa Luật, Đại học Cần Thơ nói riêng. Các giải pháp bao gồm tăng cường đầu tư tài chính và huy động nguồn tài trợ, nâng cao năng lực giảng viên và đào tạo chuyên sâu về pháp luật quốc tế, đẩy mạnh đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành pháp lý, điều chỉnh chương trình giảng dạy để phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế, cũng như mở rộng quy mô và đảm bảo tính bền vững của các chương trình hợp tác. Những giải pháp này không chỉ giúp cải thiện chất lượng giáo dục luật học trong nước mà còn tạo điều kiện để Việt Nam tham gia sâu hơn vào mạng lưới giáo dục pháp lý toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Altbach, P. G., & Knight, J. (2007). *The internationalization of higher education: Motivations and realities*. *Journal of Studies in International Education*, 11(3–4), 294. <https://doi.org/10.1177/1028315307303542>
- Bộ Chính trị. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Tư pháp. (2023). *Khóa đầu tiên Chương trình liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Luật Hà Nội – Đại học Arizona tốt nghiệp*. <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-cac-don-vi-thuoc-bo.aspx?ItemID=4480>
- Borgman, C. L. (2010). *Scholarship in the digital age: Information, infrastructure, and the Internet*. MIT Press.
- De Wit, H. (2011). *Trends, issues and challenges in internationalization of higher education*. Amsterdam University Press.
- Chính phủ. (2018). *Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục*.
- Chính phủ. (2024). *Nghị định số 124/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục*.

- Cục Đào tạo với nước ngoài. (2017). *Danh sách các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt (cập nhật đến 21/3/2017)*. https://icd.edu.vn/Uploads/imgs/2017/03/LKDT_21.3.2017.pdf
- Đại học Kinh tế Quốc dân. (n.d.). *Bên trong thư viện điện tử trị giá 11 triệu USD hiện đại nhất Việt Nam*. <https://neu.edu.vn/vi/ban-tin-neu/ben-trong-thu-vien-dien-tu-tri-gia-11-trieu-usd-hien-dai-nhat-viet-nam>
- Harley, D., Acord, S. K., Earl-Novell, S., Lawrence, S., & King, C. J. (2010). *Assessing the future landscape of scholarly communication: An exploration of faculty values and needs in seven disciplines*. Center for Studies in Higher Education, UC Berkeley.
- Harvard Law School. (n.d.). *International legal studies programs and partnerships*. <https://hls.harvard.edu/ils/opportunities-abroad/>
- Hanoi Trade University (2017). First Vietnam university opens int'l cooperation in Japan. <https://en.vietnamplus.vn/first-vietnam-university-opens-intl-cooperation-office-in-japan-post121802.vnp?utm>
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. (n.d.). *Hợp tác quốc tế về đào tạo cán bộ trong giai đoạn mới*. <https://lyluanchinhtri.vn/hop-tac-quoc-te-ve-dao-tao-can-bo-trong-giai-doan-moi-cua-hoc-vien-chinh-tri-quoc-gia-ho-chi-minh-973.html>
- Japan International Cooperation Agency. (n.d.). *JICA training program for legal and judicial development*. https://www.jica.go.jp/english/our_work/thematic_issues/governance/study.html
- Knight, J. (2004). *Internationalization remodeled: Definition, approaches, and rationales*. *Journal of Studies in International Education*, 8(1), 5. <https://doi.org/10.1177/1028315303260832>
- Knight, J. (2014). *A model for the regionalization of higher education: The role and contribution of tuning*.
- Knight, J., & Lee, J. (2023). International joint, double, and consecutive degree programs: New developments, issues, and challenges. In *The Handbook of International Higher Education* (pp. 415-428). Routledge.
- Le, V. Đ., & Hoang, T. T. P. (2021). *Legal education in the context of international integration in Vietnam: Current situation and some solutions (in Vietnamese)*. https://danchuphapluat.vn/dao-tao-luat-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te-o-viet-nam-hien-nay-thuc-trang-va-mot-so-giai-phap#_ftn2
- Library Solutions. (n.d.). *Project to renovate the 3rd floor of Hanoi Medical University Library according to the Learning Commons model (in Vietnamese)*. <https://giaiphaphuvien.vn/du-an-cai-tao-tang-3-thu-vien-dai-hoc-y-ha-noi>
- London University. (2025). *The Vice-Chancellor visited Vietnam to meet with key partners and to open a new University of London Suite at BUV*. <https://www.london.ac.uk/news-events/news/vice-chancellor-opens-new-student-suite-british-university-vietnam>
- Marginson, S., & Van der Wende, M. (2007). *Globalisation and higher education*. OECD.
- Melbourne Law School. (n.d.). *International collaborations and faculty training programs*. <https://law.unimelb.edu.au/students/study-overseas-program/exchange-partners>
- National University of Singapore. (n.d.). *NUS Law – Student exchange programs and international law courses*. <https://law.nus.edu.sg/global-programmes/wp-content/uploads/sites/20/2025/10/AY2627-AVAILABILITY-LIST-upd15Oct2025.pdf>
- Perkmann, M., Tartari, V., McKelvey, M., Autio, E., Broström, A., D'Este, P., Fini, R., Geuna, A., Grimaldi, R., Hughes, A., Krabel, S., Kitson, M., Llerena, P., Lissoni, F., Salter, A., Sobrero, M. (2013). Academic engagement and commercialisation: A review of the literature on university–industry relations. *Research Policy*, 42(2), 423–442. <https://doi.org/10.1016/j.respol.2012.09.007>
- Pháp Luật Thành phố Hồ Chí Minh. (2024, April 24). *Trường Đại học Luật TP.HCM ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore*. <https://plo.vn/truong-dh-luat-tphcm-ky-bien-ban-ghi-nho-hop-tac-voi-trung-tam-trong-tai-quoc-te-singapore-post787261.html>
- Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế. (2022). *Các MOU đã ký kết từ năm 2017 đến nay*. https://hul.edu.vn/vi/unit_news/phong-khen-htqt/cac-mou-da-ki-ket-tu-nam-2017-den-nay
- Quốc hội. (2025). *Hiến pháp năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025*.
- Quốc hội. (2025). *Luật Đầu tư, số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025*.
- Quốc hội. (2025). *Luật Giáo dục đại học, số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025*.
- Quốc hội. (2025). *Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025*.
- Seoul National University. (n.d.). *Graduate School of Law – Legal English programs*. https://en.snu.ac.kr/webdata/uploads/eng/file/2020/02/law_pro_grad.pdf

- Smith, J. (2014). Library consortia and scholarly communication: Trends, challenges, and opportunities. *Journal of Academic Librarianship*, 40(5), 517–525.
- The Hague Academy of International Law. (n.d.). *International law programs in English*. <https://www.hagueacademy.nl/s/International%20law%20programs>
- The University of Sydney. (n.d.). *International student exchange and credit transfer program*. <https://www.sydney.edu.au/study/student-life/student-exchange.html>
- Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Thư viện Quốc gia Việt Nam. (n.d.). *Hợp tác quốc tế – Tầm nhìn, bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm đối với sự nghiệp thư viện*. <https://nlv.gov.vn/ngheiep-vu-thu-vien/hop-tac-quoc-te-tam-nhin-ban-linh-va-tinh-than-trach-nhiem-doi-voi-su-ngheiep.html>
- Trường Đại học Hà Nội. (2024). *Chương trình trao đổi sinh viên: Nơi thuận lợi, nơi người học không “mặn mà”*. Báo Giáo dục Việt Nam. <https://giaoduc.net.vn/chuong-trinh-trao-doi-sinh-vien-noi-thuan-loi-noi-nguoi-hoc-khong-man-ma-post240470.gd>
- Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. (2023). *Chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên quốc tế giữa Trường Đại học Khon Kaen (Thái Lan) và Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước*. <https://www.ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/chuong-trinh-trao-doi-giang-vien-va-sinh-vien-quoc-te-giua-truong-dai-hoc-khon-kaen-thai-lan-kku-va-truong-kinh-te-luat-va-quan-ly-nha-nuoc-celg-70617>
- Trường Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội. (2021). *Các đối tác nước ngoài*. <https://law.vnu.edu.vn/article-Doi-tac-nuoc-ngoai-19029-1248.html>
- Trường Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội. (2023). *Tuyển sinh chương trình Thạc sĩ “Luật Hợp tác kinh tế và Kinh doanh quốc tế” năm học 2023–2024 (Đại học Bordeaux, Cộng hòa Pháp cấp bằng)*. <https://law.vnu.edu.vn/article-Tuyen-sinh-Chuong-trinh-Thac-si-Luat-Hop-tac-kinh-te-va-Kinh-doanh-quoc-te-nam-hoc-2023-2024-Dai-hoc-Bordeaux-Cong-hoa-Phap-cap-bang-31777-1114.html>
- Trường Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội. (2023). *Tuyển sinh chương trình Thạc sĩ “Luật Hợp tác kinh tế và Kinh doanh quốc tế” năm học 2023–2024 (Đại học Bordeaux, Cộng hòa Pháp cấp bằng)*. <https://law.vnu.edu.vn/article-Tuyen-sinh-Chuong-trinh-Thac-si-Luat-Hop-tac-kinh-te-va-Kinh-doanh-quoc-te-nam-hoc-2023-2024-Dai-hoc-Bordeaux-Cong-hoa-Phap-cap-bang-31777-1114.html>
- Faculty of Law. (n.d.). *Strategic partnerships in international law*. <https://www.law.ox.ac.uk/sites/default/files/inline-files/Paris%20Exchange%20Advertisement%202024-25.pdf#:~:text=The%20exchange%20is%20open%20to%20Faculty%20members,who%20wish%20to%20pursue%20research%20at%20Paris%2DPanth%20C3%A9n%2D>
- Trường Đại học Luật Hà Nội. (2020). *Tuyển sinh chương trình liên kết đào tạo với Đại học Arizona (Hoa Kỳ) niên khóa 2020–2024*. <https://doitachoptac.hlu.edu.vn/SubNews/Details/20046>
- Trường Đại học Luật Hà Nội. (2022). *Giới thiệu hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Luật Hà Nội*. <https://doitachoptac.hlu.edu.vn/SubNews/Details/23138>
- Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. (2021). *Thông báo tuyển sinh chương trình liên kết đào tạo giữa Đại học Tây Anh quốc và Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (Khóa 15, 2021–2022): Thạc sĩ Luật Thương mại và Kinh tế quốc tế*. <https://www.hcmulaw.edu.vn/vi/thong-bao-tuyen-sinh-chuong-trinh-lien-ket-dao-tao-giua-dai-hoc-tay-anh-quoc-va-truong-dai-hoc-luat-tp-hcm-khoa-15-2021-2022-thac-sy-luat-thuong-mai-va-kinh-te-quoc-te>
- Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). *Các chương trình đào tạo tuyển sinh năm 2025*. <https://clc.hcmulaw.edu.vn/vi/cac-chuong-trinh-dao-tao/thong-tin-tuyen-sinh-2025>
- Mạng lưới cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam (VLSN). (2020). *Thành viên mạng lưới*. <http://vlsn.edu.vn/pages/news/22031/Thanh-vien.html>